

CHÍNH PHỦ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 2023/NĐ-CP  
(Dự thảo 3)

Hà Nội, ngày tháng năm 2023



## NGHỊ ĐỊNH

### Quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng tài sản công ngày 21 tháng 6 năm 2017;

Căn cứ Luật giao thông đường thủy nội địa ngày 15 tháng 6 năm 2004; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật giao thông đường thủy nội địa ngày 17 tháng 6 năm 2014;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Tài chính;

Chính phủ ban hành Nghị định quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa.

## Chương I

### QUY ĐỊNH CHUNG

#### Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Nghị định này quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa do Nhà nước đầu tư, quản lý.

2. Nghị định này không điều chỉnh đối với:

a) Tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa giao cho doanh nghiệp theo hình thức đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp. Việc quản lý, sử dụng và khai thác đối với tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa giao cho doanh nghiệp theo hình thức đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp thực hiện theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp, pháp luật về giao thông đường thủy nội địa và pháp luật khác có liên quan.

b) Tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa tại đơn vị lực lượng vũ trang nhân dân. Việc quản lý, sử dụng, khai thác và chế độ báo cáo đối với tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa tại đơn vị lực lượng vũ trang nhân dân thực hiện

theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công tại đơn vị lực lượng vũ trang nhân dân, pháp luật về giao thông đường thủy nội địa và pháp luật khác có liên quan.

c) Tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa do đối tượng khác (ngoài các đối tượng quy định tại các khoản 3 Điều 2 Nghị định này, điểm a, điểm b khoản này) quản lý và các tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa do Nhà nước đầu tư, quản lý nhưng đã bán, chuyển nhượng, xác định giá trị tài sản để tính vào giá trị doanh nghiệp khi cổ phần hóa. Việc quản lý, sử dụng và khai thác đối với tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa trong trường hợp này thực hiện theo quy định của pháp luật về giao thông đường thủy nội địa và pháp luật khác có liên quan.

## **Điều 2. Đối tượng áp dụng**

1. Cơ quan quản lý nhà nước về giao thông đường thủy nội địa.
2. Cơ quan quản lý đường thủy nội địa, gồm:
  - a) Cơ quan quản lý đường thủy nội địa ở trung ương là cơ quan thực hiện chức năng quản lý nhà nước chuyên ngành về giao thông đường thủy nội địa thuộc Bộ Giao thông vận tải.
  - b) Cơ quan quản lý đường thủy nội địa ở địa phương là cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (sau đây gọi là Ủy ban nhân dân cấp tỉnh) thực hiện chức năng tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quản lý nhà nước về giao thông đường thủy nội địa.
3. Cơ quan được giao quản lý tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa (sau đây gọi là cơ quan quản lý tài sản), gồm:
  - a) Cơ quan quản lý tài sản ở trung ương là cơ quan quy định tại điểm a khoản 2 Điều này.
  - b) Cơ quan quản lý tài sản ở địa phương là cơ quan quy định tại điểm b khoản 2 Điều này.
4. Tổ chức nhận thuê quyền khai thác, nhận chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa theo quy định tại Nghị định này.
5. Các đối tượng khác liên quan đến việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa.

## **Điều 3. Tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa**

1. Tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa là kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa theo quy định của pháp luật về giao thông đường thủy nội địa (bao gồm cả vùng đất, vùng nước gắn với tài sản), gồm:
  - a) Luồng đường thủy nội địa: Luồng chạy tàu thuyền; hành lang bảo vệ luồng; hệ thống báo hiệu đường thủy nội địa và hệ thống phụ trợ gắn với luồng đường thủy nội địa (mốc cao độ, mốc chỉ giới hành lang bảo vệ luồng, nhà trạm...).

- b) Khu neo đậu.
- c) Cảng thủy nội địa.
- d) Bến thủy nội địa.
- đ) Kè, đập giao thông.

e) Công trình, hệ thống phụ trợ: Âu tàu, kè, đập giao thông, hệ thống đưa phương tiện qua đập, thác; ứng dụng công nghệ phục vụ quản lý, vận hành, bảo trì tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa.

2. Tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa có liên quan đến quốc phòng, an ninh quốc gia được xác định như sau:

a) Tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa có liên quan đến quốc phòng xác định theo quy định của pháp luật về bảo vệ công trình quốc phòng và khu quân sự.

b) Tài sản liên quan đến an ninh quốc gia là tài sản thuộc danh mục công trình quan trọng liên quan đến an ninh quốc gia do cơ quan, người có thẩm quyền ban hành theo quy định của pháp luật về bảo vệ công trình quan trọng liên quan đến an ninh quốc gia.

#### **Điều 4. Nguyên tắc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa**

Việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa phải tuân thủ các nguyên tắc quy định tại Luật Quản lý, sử dụng tài sản công và các nguyên tắc sau đây:

1. Tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa được thống kê, kê toán đầy đủ về hiện vật và giá trị; được thực hiện chế độ tính hao mòn tài sản và bảo trì công trình theo quy định của pháp luật.

2. Việc khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa theo phương thức cho thuê quyền khai thác tài sản, chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản theo quy định tại điểm b và điểm c khoản 1 Điều 12 Nghị định này được thực hiện đối với toàn bộ hoặc một phần của từng tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa. Trường hợp khai thác một phần của từng tài sản thì phải đảm bảo không làm ảnh hưởng đến việc quản lý, sử dụng và khai thác đối với phần tài sản còn lại.

3. Khi xác định thẩm quyền quyết định giao, khai thác, xử lý tài sản theo quy định tại Nghị định này, trường hợp tài sản có liên quan đến quốc phòng xác định theo quy định của pháp luật về bảo vệ công trình quốc phòng và khu quân sự phải có ý kiến của Bộ Quốc phòng; trường hợp tài sản thuộc danh mục công trình quan trọng liên quan đến an ninh quốc gia do cơ quan, người có thẩm quyền ban hành theo quy định của pháp luật về bảo vệ công trình quan trọng liên quan đến an ninh quốc gia được xác định là tài sản có liên quan đến an ninh quốc gia và không phải có ý kiến của Bộ Công an; trường hợp tài sản không liên quan đến quốc phòng, an ninh quốc gia thì Bộ Giao thông vận tải, Ủy ban nhân

dân cấp tỉnh có trách nhiệm xác định tại hồ sơ đề nghị cơ quan, người có thẩm quyền quyết định giao, khai thác, xử lý tài sản.

4. Trường hợp thực hiện khai thác, xử lý tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa theo quy định tại Nghị định này mà làm ảnh hưởng đến các tài sản kết cấu hạ tầng khác có liên quan thì phải có ý kiến của đối tượng được giao quản lý tài sản kết cấu hạ tầng có liên quan đó và phải có giải pháp, xác định rõ trách nhiệm để khắc phục.

5. Trường hợp cơ quan quản lý tài sản ở trung ương phân cấp/ủy quyền/giao cho các tổ chức hành chính trực thuộc (đối với tài sản thuộc trung ương quản lý), cơ quan quản lý đường thủy nội địa ở địa phương phân cấp/ủy quyền/giao cho các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc (đối với tài sản thuộc địa phương quản lý) thực hiện kế toán, quản lý, lưu trữ hồ sơ, bảo trì, kê khai, đăng nhập thông tin vào Cơ sở dữ liệu về tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa và các nội dung khác (nếu có) thì phải được Bộ Giao thông vận tải, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh đồng ý bằng văn bản và phải quy định rõ nội dung phân cấp/ủy quyền/giao và quy trình nội bộ để đảm bảo thực hiện đầy đủ nhiệm vụ, quyền hạn, trách nhiệm theo quy định tại Nghị định này.

6. Việc quản lý, sử dụng và khai thác đối với tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa được giám sát, thanh tra, kiểm tra, kiểm toán theo quy định; mọi hành vi vi phạm pháp luật về quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa phải được xử lý kịp thời, nghiêm minh theo quy định của pháp luật.

7. Việc quản lý, sử dụng đất, mặt nước gắn với tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa thực hiện theo quy định của pháp luật về đất đai, pháp luật về giao thông đường thủy nội địa và pháp luật khác có liên quan.

## **Chương II**

### **GIAO QUẢN LÝ TÀI SẢN KẾT CẤU HẠ TẦNG ĐƯỜNG THỦY NỘI ĐỊA**

#### **Điều 5. Phạm vi và hình thức giao tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa cho cơ quan quản lý tài sản**

1. Tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa được giao cho cơ quan quản lý tài sản quy định tại khoản 3 Điều 2 Nghị định này như sau:

a) Cơ quan quản lý tài sản ở trung ương được giao quản lý đối với tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa thuộc trung ương quản lý.

b) Cơ quan quản lý tài sản ở địa phương được giao quản lý đối với tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa thuộc địa phương quản lý.

2. Việc giao tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa cho các cơ quan quy định tại khoản 1 Điều này được thực hiện theo hình thức ghi tặng tài sản.

3. Việc giao tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa do Nhà nước đầu tư, quản lý cho cơ quan quản lý tài sản được áp dụng đối với tài sản kết cấu hạ

tầng đường thủy nội địa hiện có tại thời điểm Nghị định này có hiệu lực thi hành nhưng chưa có văn bản giao cho cơ quan quy định tại khoản 1 Điều này quản lý.

4. Đối với tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa là tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân được xử lý theo hình thức giao cho cơ quan quy định tại khoản 1 Điều này quản lý thì thẩm quyền, thủ tục giao tài sản được thực hiện theo quy định của pháp luật về quản lý, xử lý tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân; không phải thực hiện việc giao tài sản theo quy định tại Nghị định này.

5. Đối với tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa là kết quả của quá trình thực hiện dự án sử dụng vốn nhà nước:

a) Trường hợp trong dự án đầu tư được cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt có xác định đối tượng thụ hưởng tài sản là kết quả của quá trình thực hiện dự án mà đối tượng thụ hưởng là cơ quan quản lý tài sản quy định tại khoản 1 Điều này thì sau khi hoàn thành việc đầu tư xây dựng, mua sắm, chủ đầu tư/chủ dự án/ban quản lý dự án có trách nhiệm bàn giao tài sản cho đối tượng thụ hưởng (cơ quan quản lý tài sản); không phải thực hiện thủ tục giao tài sản theo quy định tại Nghị định này.

b) Trường hợp trong dự án đầu tư được cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt có xác định đối tượng thụ hưởng tài sản là kết quả của quá trình thực hiện dự án nhưng đối tượng thụ hưởng không phải là cơ quan quản lý tài sản quy định tại khoản 1 Điều này thì xử lý như sau:

Nếu đối tượng thụ hưởng là cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập, cơ quan Đảng Cộng sản Việt Nam, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, tổ chức chính trị - xã hội (sau đây gọi là cơ quan, tổ chức, đơn vị) thì sau khi đối tượng thụ hưởng tiếp nhận tài sản, việc điều chuyển tài sản từ đối tượng thụ hưởng sang cơ quan quản lý tài sản quy định tại khoản 1 Điều này được thực hiện theo quy định tại khoản 6 Điều này.

Nếu đối tượng thụ hưởng tài sản là kết quả của quá trình thực hiện dự án không phải là cơ quan, tổ chức, đơn vị nêu trên thì đối tượng thụ hưởng thực hiện quản lý, sử dụng và khai thác tài sản theo quy định của pháp luật về giao thông đường thủy nội địa và pháp luật khác có liên quan. Trường hợp có nhu cầu điều chuyển, chuyển giao tài sản cho cơ quan quản lý tài sản quy định tại khoản 1 Điều này thì thực hiện theo quy định tại khoản 6 Điều này.

c) Trường hợp trong dự án đầu tư được cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt không xác định đối tượng thụ hưởng tài sản là kết quả của quá trình thực hiện dự án thì thẩm quyền, trình tự, thủ tục giao hoặc điều chuyển tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa cho cơ quan quy định tại khoản 1 Điều này được thực hiện theo quy định về xử lý tài sản của các dự án sử dụng vốn nhà nước tại pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công; không phải thực hiện việc giao tài sản theo quy định tại Nghị định này.

6. Đối với tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa do các đối tượng không phải là cơ quan được giao quản lý tài sản quy định tại khoản 1 Điều này quản lý mà đối tượng đang quản lý có nhu cầu điều chuyển, chuyển giao tài sản

cho cơ quan được giao quản lý tài sản quy định tại khoản 1 Điều này thì thẩm quyền, trình tự, thủ tục điều chuyển, chuyển giao tài sản được thực hiện theo quy định của pháp luật có liên quan; không phải thực hiện việc giao tài sản theo quy định tại Nghị định này.

Trường hợp pháp luật có liên quan chưa có quy định về thẩm quyền, trình tự, thủ tục điều chuyển, chuyển giao tài sản thì được áp dụng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 21, khoản 2, khoản 3 Điều 22 Nghị định này để quyết định và thực hiện điều chuyển tài sản.

### **Điều 6. Thẩm quyền quyết định giao tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa**

1. Thủ tướng Chính phủ quyết định giao đối với tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa có liên quan đến quốc phòng, an ninh quốc gia theo quy định của pháp luật.

2. Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quyết định giao đối với tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa thuộc trung ương quản lý cho cơ quan quản lý đường thủy nội địa ở trung ương, trừ tài sản quy định tại khoản 1 Điều này.

3. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định giao đối với tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa thuộc địa phương quản lý cho cơ quan quản lý đường thủy nội địa ở địa phương, trừ tài sản quy định tại khoản 1 Điều này.

### **Điều 7. Trình tự, thủ tục giao tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa**

1. Trong thời hạn 12 tháng, kể từ ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành, Bộ Giao thông vận tải/Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chỉ đạo cơ quan quản lý đường thủy nội địa ở trung ương/địa phương chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan rà soát, thống kê toàn bộ tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa do các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý đang quản lý/tạm quản lý (bao gồm cả trường hợp tài sản được đầu tư theo phương thức đối tác công tư do nhà đầu tư chuyển giao cho Nhà nước theo quy định mà không phải thực hiện thủ tục xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản); trên cơ sở đó, thực hiện phân loại như sau:

a) Tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa đã có văn bản của cơ quan, người có thẩm quyền giao cho cơ quan quản lý tài sản quy định tại khoản 1 Điều 5 Nghị định này quản lý.

b) Tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa do cơ quan quản lý tài sản quy định tại khoản 1 Điều 5 Nghị định này quản lý nhưng chưa có văn bản giao tài sản của cơ quan, người có thẩm quyền.

c) Tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa tạm giao cho cơ quan quản lý tài sản quy định tại khoản 1 Điều 5 Nghị định này quản lý.

d) Tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa đã giao/tạm giao cho đối tượng khác (không phải là cơ quan quản lý tài sản quy định tại khoản 1 Điều 5 Nghị định này) quản lý.

2. Căn cứ kết quả rà soát, thống kê, phân loại, cơ quan quản lý đường thủy nội địa ở trung ương (đối với tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa thuộc trung ương quản lý), cơ quan quản lý đường thủy nội địa ở địa phương (đối với tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa thuộc địa phương quản lý) lập phương án giao tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa cho cơ quan quản lý tài sản quy định tại khoản 1 Điều 5 Nghị định này như sau:

a) Đối với tài sản quy định tại điểm a khoản 1 Điều này thì cơ quan đã được giao tài sản tiếp tục quản lý, sử dụng và khai thác tài sản theo quy định; không phải thực hiện thủ tục để giao tài sản theo quy định tại Nghị định này.

b) Đối với tài sản quy định tại các điểm b, c và d khoản 1 Điều này, cơ quan quản lý đường thủy nội địa ở trung ương (đối với tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa thuộc trung ương quản lý), cơ quan quản lý đường thủy nội địa ở địa phương (đối với tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa thuộc địa phương quản lý) chủ trì, phối hợp với: Cơ quan quản lý tài sản công thuộc Bộ Giao thông vận tải quy định tại khoản 2 Điều 19 Luật Quản lý, sử dụng tài sản công/cơ quan quản lý tài sản công cấp tỉnh quy định tại khoản 3 Điều 19 Luật Quản lý, sử dụng tài sản công (sau đây gọi là cơ quan quản lý tài sản công cùng cấp ở trung ương/địa phương); các cơ quan, tổ chức, đơn vị đang quản lý/tạm quản lý tài sản và cơ quan quản lý cấp trên (nếu có) của cơ quan, tổ chức, đơn vị đó lập hồ sơ đề nghị giao quản lý tài sản, báo cáo Bộ Giao thông vận tải/Ủy ban nhân dân cấp tỉnh. Hồ sơ đề nghị gồm:

Văn bản của cơ quan quản lý đường thủy nội địa ở trung ương/cơ quan quản lý đường thủy nội địa ở địa phương: 01 bản chính;

Biên bản họp liên ngành hoặc ý kiến bằng văn bản của: Cơ quan, tổ chức, đơn vị đang quản lý/tạm quản lý tài sản và cơ quan quản lý cấp trên (nếu có) của cơ quan, tổ chức, đơn vị đó; cơ quan quản lý tài sản công cùng cấp ở trung ương/địa phương về việc giao tài sản: 01 bản chính;

Danh mục tài sản đề nghị giao (tên tài sản; địa chỉ; năm đưa vào sử dụng; thông số cơ bản (khối lượng/chiều dài/...); diện tích; nguyên giá, giá trị còn lại (nếu có); tình trạng sử dụng của tài sản) do cơ quan quản lý đường thủy nội địa ở trung ương/cơ quan quản lý đường thủy nội địa ở địa phương lập: 01 bản chính;

Hồ sơ pháp lý về tài sản (Quyết định giao/điều chuyển tài sản, Biên bản bàn giao, tiếp nhận tài sản hoặc các giấy tờ, tài liệu khác chứng minh quyền quản lý, sử dụng/tạm quản lý tài sản): 01 bản sao;

Giấy tờ khác có liên quan (nếu có): 01 bản sao.

3. Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ theo quy định tại khoản 2 Điều này, cơ quan, người có thẩm quyền quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 6 Nghị định này xem xét, quyết định giao tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa đối với trường hợp thuộc thẩm quyền hoặc có văn bản hồi đáp trong trường hợp đề nghị giao tài sản chưa phù hợp.

Trường hợp việc giao tài sản thuộc thẩm quyền quyết định của Thủ tướng

Chính phủ thì Bộ Giao thông vận tải/Ủy ban nhân dân cấp tỉnh lập hồ sơ trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định giao tài sản (sau khi có ý kiến bằng văn bản của các cơ quan có liên quan). Hồ sơ trình gồm:

a) Tờ trình của Bộ Giao thông vận tải/Ủy ban nhân dân cấp tỉnh về việc đề nghị giao tài sản cho cơ quan quản lý tài sản (trong đó xác định cụ thể: Cơ quan quản lý tài sản; hình thức giao tài sản; danh mục tài sản đề nghị giao: Tên tài sản; địa chỉ; năm đưa vào sử dụng; thông số cơ bản (khối lượng/chiều dài/...); diện tích; nguyên giá, giá trị còn lại (nếu có); tình trạng sử dụng của tài sản); cơ quan, tổ chức, đơn vị đang quản lý/tạm quản lý tài sản; tổng hợp, giải trình, tiếp thu ý kiến của các cơ quan có liên quan) kèm theo dự thảo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ: 01 bản chính.

b) Ý kiến bằng văn bản của các cơ quan có liên quan: 01 bản sao.

c) Các hồ sơ quy định tại điểm b khoản 2 Điều này: 01 bản sao.

d) Giấy tờ khác có liên quan (nếu có): 01 bản sao.

4. Nội dung chủ yếu của Quyết định giao tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa gồm:

a) Tên cơ quan quản lý tài sản.

b) Danh mục tài sản giao (tên tài sản; địa chỉ; năm đưa vào sử dụng; thông số cơ bản (khối lượng/chiều dài/...); diện tích; nguyên giá, giá trị còn lại (nếu có); tình trạng sử dụng của tài sản); cơ quan, tổ chức, đơn vị đang quản lý/tạm quản lý tài sản.

c) Hình thức giao tài sản.

d) Trách nhiệm tổ chức thực hiện.

5. Căn cứ Quyết định giao tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa của cơ quan, người có thẩm quyền:

a) Cơ quan quản lý tài sản thực hiện việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản theo quy định tại Nghị định này, pháp luật về giao thông đường thủy nội địa và pháp luật khác có liên quan đối với tài sản quy định tại điểm b, điểm c khoản 1 Điều này; không phải thực hiện bàn giao, tiếp nhận tài sản theo quy định tại điểm b khoản này.

b) Cơ quan, tổ chức, đơn vị đang quản lý/tạm quản lý (Bên giao) thực hiện bàn giao tài sản cho cơ quan quản lý tài sản (Bên nhận) đối với tài sản quy định tại điểm d khoản 1 Điều này. Việc bàn giao, tiếp nhận tài sản được lập thành Biên bản theo Mẫu số 01 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này. Sau khi tiếp nhận tài sản, cơ quan quản lý tài sản thực hiện việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản theo quy định tại Nghị định này, pháp luật về giao thông đường thủy nội địa và pháp luật khác có liên quan.



### Chương III

## QUẢN LÝ, SỬ DỤNG VÀ KHAI THÁC TÀI SẢN KẾT CẤU HẠ TẦNG ĐƯỜNG THỦY NỘI ĐỊA

### Mục 1. HỒ SƠ QUẢN LÝ, KẾ TOÁN TÀI SẢN KẾT CẤU HẠ TẦNG ĐƯỜNG THỦY NỘI ĐỊA

#### **Điều 8. Hồ sơ quản lý tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa**

1. Hồ sơ quản lý tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa gồm:

a) Hồ sơ liên quan đến việc hình thành, biến động tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa theo quy định tại Nghị định này và pháp luật có liên quan; hồ sơ pháp lý về đất, mặt nước gắn với tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa đối với trường hợp được cơ quan, người có thẩm quyền giao, cho thuê đất, mặt nước theo quy định của pháp luật về đất đai (nếu có).

b) Báo cáo kê khai; báo cáo tình hình quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa theo quy định tại Điều 29 Nghị định này.

c) Dữ liệu trong Cơ sở dữ liệu về tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa theo quy định tại Điều 30 Nghị định này.

2. Cơ quan quản lý tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa có trách nhiệm lập hồ sơ, quản lý, lưu trữ hồ sơ về tài sản theo quy định đối với các hồ sơ quy định tại khoản 1 Điều này; thực hiện chế độ báo cáo theo quy định tại Nghị định này.

Trách nhiệm lập, quản lý, lưu trữ đối với các hồ sơ đầu tư xây dựng, mở rộng, nâng cấp, cải tạo tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa được thực hiện theo quy định của pháp luật về xây dựng, pháp luật về giao thông đường thủy nội địa và pháp luật khác có liên quan.

#### **Điều 9. Kế toán tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa**

1. Tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa có kết cấu độc lập hoặc một hệ thống gồm nhiều bộ phận tài sản riêng lẻ liên kết với nhau để cùng thực hiện một hay một số chức năng nhất định là một đối tượng ghi sổ kế toán.

Trường hợp một hệ thống được giao cho nhiều cơ quan quản lý thì đối tượng ghi sổ kế toán là phần tài sản được giao cho từng cơ quan.

2. Cơ quan quản lý tài sản có trách nhiệm:

a) Mở sổ và thực hiện kế toán tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa (hoặc kế toán tổng hợp trên cơ sở kế toán chi tiết của các cơ quan, tổ chức hành chính, đơn vị được phân cấp thực hiện công tác kế toán) theo quy định của pháp luật về kế toán và quy định tại Nghị định này.

b) Thực hiện báo cáo tình hình tăng, giảm, tính hao mòn tài sản kết cấu hạ

tầng đường thủy nội địa theo quy định của pháp luật.

3. Nguyên giá, giá trị còn lại của tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa được xác định theo nguyên tắc:

a) Đối với tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa đã có thông tin về nguyên giá, giá trị còn lại của tài sản thì sử dụng giá trị đã có để ghi sổ kế toán.

b) Đối với tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa được mua sắm, đầu tư xây dựng mới thì nguyên giá để ghi sổ kế toán là giá trị mua sắm, giá trị đầu tư xây dựng được cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt quyết toán theo quy định.

Trường hợp chưa được cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt quyết toán thì sử dụng nguyên giá tạm tính để ghi sổ kế toán. Nguyên giá tạm tính trong trường hợp này được lựa chọn theo thứ tự ưu tiên sau: Giá trị đề nghị quyết toán; giá trị xác định theo Biên bản nghiệm thu A-B; giá trị dự toán của dự án đã được phê duyệt. Khi giá trị quyết toán của dự án được cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt, cơ quan được giao quản lý tài sản phải thực hiện điều chỉnh giá trị đã ghi sổ theo quy định của pháp luật về kế toán.

c) Đối với tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa do cơ quan quản lý tài sản tiếp nhận theo quyết định giao, quyết định điều chuyển của cơ quan, người có thẩm quyền thì nguyên giá, giá trị còn lại của tài sản được xác định căn cứ vào nguyên giá, giá trị còn lại ghi trên Biên bản bàn giao, tiếp nhận tài sản giao, điều chuyển. Riêng trường hợp giao tài sản cho cơ quan quản lý tài sản theo quy định tại Chương II Nghị định này mà giá trị tài sản chưa được theo dõi trên sổ kế toán thì sau khi tiếp nhận, cơ quan quản lý tài sản phối hợp với cơ quan, tổ chức, đơn vị đang quản lý/tạm quản lý (Bên giao) căn cứ nguồn gốc hình thành tài sản, các hồ sơ có liên quan để xác định nguyên giá, giá trị còn lại của tài sản theo quy định tương ứng tại các điểm a, b và c khoản này.

d) Đối với tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa không có thông tin để xác định giá trị tài sản theo quy định tại các điểm a, b và c khoản này:

Trường hợp có tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa tương đương (về quy mô, cấp kỹ thuật) và có giá trị quyết toán được cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định của pháp luật thì sử dụng giá trị của tài sản tương đương làm nguyên giá tài sản;

Trường hợp không có tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa tương đương thì sử dụng giá quy ước do Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quyết định để làm nguyên giá tài sản;

Trường hợp tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa không có giá trị tài sản tương đương và cũng không áp dụng được giá quy ước thì cơ quan quản lý tài sản thuê doanh nghiệp thẩm định giá để xác định giá trị tài sản theo quy định về thẩm định giá tại Luật Giá để xác định nguyên giá tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa.

đ) Đối với tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa kiểm kê phát hiện

thừa (chưa được theo dõi trên sổ kế toán) thì tùy theo nguồn gốc và thời điểm đưa vào sử dụng, giá trị ghi sổ kế toán được xác định tương ứng theo quy định tại các điểm b, c và d khoản này.

4. Nguyên giá của tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa được điều chỉnh trong các trường hợp sau:

a) Đánh giá lại giá trị tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa khi thực hiện kiểm kê theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ.

b) Thực hiện nâng cấp, mở rộng tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa theo dự án được cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt.

c) Tháo dỡ một hay một số bộ phận tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa (trong trường hợp giá trị bộ phận tài sản tháo dỡ đang được hạch toán chung trong nguyên giá tài sản), trừ trường hợp việc tháo dỡ để thay thế khi bảo trì công trình.

d) Lắp đặt thêm một hay một số bộ phận tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa, trừ trường hợp lắp đặt để thay thế khi bảo trì công trình.

đ) Bị mất một phần hoặc hư hỏng nghiêm trọng do thiên tai, sự cố bất khả kháng hoặc những tác động đột xuất khác (trừ trường hợp tài sản được khắc phục sự cố theo quy định của pháp luật về bảo trì đường thủy nội địa hoặc được khôi phục lại thông qua bồi thường của doanh nghiệp bảo hiểm/bồi thường thiệt hại của tổ chức, cá nhân có liên quan theo quy định tại khoản 5 Điều 24 Nghị định này).

5. Giá trị của tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa quy định tại Nghị định này được sử dụng để ghi sổ kế toán, kê khai để đăng nhập thông tin vào Cơ sở dữ liệu về tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa và các mục đích khác theo quy định của pháp luật.

6. Chế độ kế toán, quản lý, tính hao mòn tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa thực hiện theo quy định của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

## **Mục 2. BẢO TRÌ CÔNG TRÌNH THUỘC TÀI SẢN**

### **KẾT CẤU HẠ TẦNG ĐƯỜNG THỦY NỘI ĐỊA VÀ QUẢN LÝ, VẬN HÀNH TRONG THỜI GIAN NÂNG CẤP, CẢI TẠO, MỞ RỘNG TÀI SẢN**

#### **Điều 10. Bảo trì công trình thuộc tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa**

1. Công trình thuộc tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa phải được bảo trì nhằm bảo đảm hoạt động bình thường và an toàn khi sử dụng, khai thác tài sản.

2. Các hình thức bảo trì công trình thuộc tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa:

a) Bảo trì theo chất lượng thực hiện:

Bảo trì theo chất lượng thực hiện là việc thực hiện hoạt động bảo trì theo các tiêu chuẩn chất lượng xác định, trong một khoảng thời gian với một số tiền nhất định được quy định tại Hợp đồng kinh tế.

Cơ quan quản lý tài sản có trách nhiệm xác định chi phí bảo trì, thời gian bảo trì để khoán đối với từng tài sản thuộc phạm vi được giao quản lý; trình cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt. Chi phí bảo trì công trình thuộc tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa để khoán được xác định theo phương pháp định mức kinh tế - kỹ thuật của hoạt động bảo trì hoặc phương pháp chi phí bình quân của hoạt động bảo trì 3 năm liền kề trước đó cộng với yếu tố trượt giá (nếu có) hoặc kết hợp hai phương pháp trên.

Tiêu chí giám sát, nghiệm thu kết quả bảo trì công trình thuộc tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa theo chất lượng thực hiện theo quy định của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải.

b) Bảo trì theo khối lượng thực tế:

Bảo trì theo khối lượng thực tế là việc thực hiện hoạt động bảo trì theo khối lượng công việc thực tế đã thực hiện. Việc bảo trì theo khối lượng thực tế áp dụng đối với hoạt động sửa chữa định kỳ, sửa chữa đột xuất công trình thuộc tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa và hoạt động khác theo quy định của pháp luật về giao thông đường thủy nội địa.

3. Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định việc áp dụng hình thức bảo trì quy định tại điểm a, điểm b khoản 2 Điều này đối với từng hoạt động bảo trì công trình thuộc tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa theo quy định tại Nghị định này, pháp luật về quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng và pháp luật về giao thông đường thủy nội địa, đảm bảo tiết kiệm, hiệu quả.

4. Việc lựa chọn tổ chức thực hiện bảo trì công trình thuộc tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa theo các hình thức quy định tại khoản 2 Điều này được thực hiện theo quy định của pháp luật về đấu thầu, pháp luật về giao thông đường thủy nội địa và pháp luật có liên quan; trừ trường hợp Nhà nước đặt hàng, giao nhiệm vụ theo quy định của Chính phủ về sản xuất và cung ứng sản phẩm, dịch vụ công ích hoặc giao việc bảo trì cho nhà thầu thi công theo quy định của pháp luật.

5. Kinh phí bảo trì công trình thuộc tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa được bố trí từ ngân sách nhà nước và nguồn kinh phí khác được phép sử dụng theo quy định của pháp luật.

6. Trình tự, thủ tục lập, phê duyệt kế hoạch và dự toán kinh phí bảo trì công trình thuộc tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa đối với trường hợp bố trí kinh phí bảo trì từ ngân sách nhà nước thực hiện theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước và pháp luật khác có liên quan.

7. Việc tổ chức thực hiện bảo trì công trình thuộc tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa thực hiện theo quy định của pháp luật về giao thông đường

thủy nội địa, pháp luật về quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng, pháp luật khác có liên quan.

8. Trong quá trình quản lý, bảo trì công trình thuộc tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa, trường hợp phát sinh vật liệu, vật tư thu hồi từ việc bảo trì công trình thì việc xử lý vật liệu, vật tư thu hồi được thực hiện theo quy định tại khoản 5 Điều 23 Nghị định này.

9. Trường hợp cho thuê quyền khai thác tài sản, chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa mà trong Hợp đồng quy định trách nhiệm của Bên nhận thuê, Bên nhận chuyển nhượng quyền khai thác tài sản thực hiện bảo trì công trình thì Bên nhận có trách nhiệm thực hiện bảo trì theo quy định của pháp luật và Hợp đồng đã ký bằng nguồn kinh phí của mình. Việc xử lý vật liệu, vật tư thu hồi (nếu có) do bên nhận chuyển nhượng, bên nhận thuê quyền khai thác tài sản tự thực hiện theo quy định của pháp luật liên quan.

10. Bảo trì công trình thuộc tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa theo hình thức bảo trì nạo vét kết hợp tận thu sản phẩm được thực hiện theo quy định của Chính phủ về quản lý hoạt động nạo vét trong vùng nước cảng biển và vùng nước đường thủy nội địa.

**Điều 11. Quản lý, vận hành trong thời gian nâng cấp, cải tạo, mở rộng tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa theo dự án sử dụng vốn đầu tư công được cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt**

1. Tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa hiện có được đầu tư nâng cấp, cải tạo, mở rộng theo dự án sử dụng vốn đầu tư công được cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt (bao gồm cả trường hợp dự án đầu tư xây dựng, nâng cấp, cải tạo, mở rộng tài sản khác nhưng trong dự án có nội dung đầu tư vào tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường thủy nội địa hiện có) thì việc đầu tư nâng cấp, cải tạo, mở rộng thực hiện theo quy định của pháp luật về đầu tư công, pháp luật về giao thông đường thủy nội địa, pháp luật khác có liên quan.

2. Trường hợp chủ đầu tư dự án nâng cấp, cải tạo, mở rộng không phải là cơ quan quản lý tài sản thì căn cứ dự án đầu tư được cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt:

a) Bộ Giao thông vận tải/Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm chỉ đạo cơ quan quản lý tài sản tạm bàn giao tài sản cho chủ đầu tư dự án trong thời gian thực hiện đầu tư. Việc tạm bàn giao tài sản được lập thành Biên bản theo Mẫu số 01A tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này.

b) Trong thời gian tạm bàn giao tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa cho chủ đầu tư dự án, cơ quan quản lý tài sản có trách nhiệm quản lý, kế toán tài sản; chủ đầu tư có trách nhiệm đảm bảo giao thông thông suốt, an toàn trong thời gian thực hiện đầu tư, trong đó, có trách nhiệm bảo trì công trình thuộc tài sản (nếu có).

c) Sau khi dự án hoàn thành, bàn giao đưa vào sử dụng, chủ đầu tư dự án

có trách nhiệm bàn giao lại tài sản và phần giá trị tăng thêm của tài sản do thực hiện dự án theo quy định của pháp luật cho cơ quan quản lý tài sản để thực hiện việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản theo quy định tại Nghị định này và pháp luật có liên quan.

### Mục 3

#### KHAI THÁC TÀI SẢN KẾT CẤU HẠ TẦNG ĐƯỜNG THỦY NỘI ĐỊA

##### **Điều 12. Phương thức và nguồn thu từ khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa**

1. Phương thức khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa:

a) Cơ quan quản lý tài sản trực tiếp tổ chức khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa.

b) Cho thuê quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa.

c) Chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa.

2. Trường hợp áp dụng phương thức khai thác quy định tại điểm b, điểm c khoản 1 Điều này mà sau hai lần tổ chức đấu giá không thành thì cơ quan quản lý tài sản rà soát nguyên nhân và đề xuất giải pháp, báo cáo Bộ Giao thông vận tải (đối với tài sản do cơ quan quản lý tài sản ở trung ương quản lý), Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (đối với tài sản do cơ quan quản lý tài sản ở địa phương quản lý) xem xét, quyết định. Trong đó, nếu xác định nguyên nhân không có người đăng ký thuê quyền khai thác, nhận chuyển nhượng quyền khai thác do giá khởi điểm cho thuê quyền khai thác, nhận chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác cao, không còn phù hợp với quy định về xác định giá khởi điểm theo quy định tại Điều 16 Nghị định này thì thực hiện xác định lại giá khởi điểm để đấu giá. Việc xác định lại giá khởi điểm được thực hiện theo quy định tại Điều 16 Nghị định này.

3. Nguồn thu từ khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa gồm:

a) Phí, lệ phí theo quy định của pháp luật về phí, lệ phí.

b) Tiền thu từ giá dịch vụ sử dụng kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa và các khoản thu khác liên quan đến việc cung cấp dịch vụ theo quy định của pháp luật.

c) Tiền thu từ cho thuê quyền khai thác, chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa.

d) Các khoản thu khác (nếu có) theo quy định của pháp luật.

4. Trường hợp nhượng quyền để kinh doanh, quản lý tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa theo Hợp đồng Kinh doanh - Quản lý (O&M) thì trong thời hạn thực hiện hợp đồng, việc nhượng quyền để kinh doanh, quản lý tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa thực hiện theo quy định của pháp luật về đầu tư theo phương thức đối tác công - tư; không thực hiện theo quy định tại Nghị

định này.

**Điều 13. Khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa trong trường hợp cơ quan quản lý tài sản trực tiếp tổ chức khai thác**

1. Cơ quan quản lý tài sản trực tiếp tổ chức khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa thông qua việc cung cấp dịch vụ sử dụng tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa và các dịch vụ khác liên quan đến tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa cho các tổ chức, cá nhân theo quy định của pháp luật về giao thông đường thủy nội địa và pháp luật có liên quan.

Đối với các tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa phục vụ mục đích công cộng, cơ quan quản lý tài sản thực hiện quản lý, sử dụng, khai thác theo quy định; không phải lập Đề án khai thác tài sản trình cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt theo quy định tại Điều này.

Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định danh mục tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa thuộc phạm vi quản lý phục vụ mục đích công cộng trên cơ sở đề nghị của cơ quan quản lý đường thủy nội địa.

2. Thẩm quyền phê duyệt Đề án khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa:

a) Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa có liên quan đến quốc phòng, an ninh quốc gia.

b) Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải phê duyệt Đề án khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa do cơ quan quản lý tài sản ở trung ương quản lý, trừ tài sản quy định tại điểm a khoản này.

c) Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt Đề án khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa do cơ quan quản lý tài sản ở địa phương quản lý, trừ tài sản quy định tại điểm a khoản này.

3. Lập, phê duyệt Đề án khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa thuộc thẩm quyền phê duyệt của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải/Ủy ban nhân dân cấp tỉnh:

a) Cơ quan quản lý tài sản lập 01 bộ hồ sơ đề nghị phê duyệt Đề án khai thác tài sản, trình Bộ Giao thông vận tải (đối với tài sản do cơ quan quản lý tài sản ở trung ương quản lý), trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (đối với tài sản do cơ quan quản lý tài sản ở địa phương quản lý). Hồ sơ gồm:

Tờ trình của cơ quan quản lý tài sản đề nghị phê duyệt Đề án: 01 bản chính;

Đề án khai thác tài sản theo Mẫu số 02A tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này: 01 bản chính;

Ý kiến của các cơ quan có liên quan (nếu có): 01 bản sao;

Bản tổng hợp, giải trình, tiếp thu ý kiến của các cơ quan có liên quan (nếu có): 01 bản chính;

Các hồ sơ có liên quan khác (nếu có): 01 bản sao.

b) Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ quy định tại điểm a khoản này, Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải/Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, phê duyệt Đề án khai thác tài sản hoặc có văn bản hồi đáp trong trường hợp Đề án chưa phù hợp.

4. Lập, phê duyệt Đề án khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa thuộc thẩm quyền phê duyệt của Thủ tướng Chính phủ:

a) Việc lập hồ sơ trình Bộ Giao thông vận tải/Ủy ban nhân dân cấp tỉnh về Đề án khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa được thực hiện theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều này.

b) Trong thời hạn 45 ngày, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ quy định tại điểm a khoản này, Bộ Giao thông vận tải/Ủy ban nhân dân cấp tỉnh lập hồ sơ báo cáo Thủ tướng Chính phủ xem xét, phê duyệt Đề án theo thẩm quyền. Hồ sơ gồm:

Tờ trình của Bộ Giao thông vận tải/Ủy ban nhân dân cấp tỉnh về việc đề nghị phê duyệt Đề án kèm theo dự thảo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Đề án: 01 bản chính;

Đề án khai thác tài sản do cơ quan quản lý tài sản lập theo Mẫu số 02A tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này sau khi được hoàn thiện: 01 bản chính;

Bản tổng hợp, giải trình, tiếp thu ý kiến của các cơ quan có liên quan (do Bộ Giao thông vận tải/Ủy ban nhân dân cấp tỉnh lập): 01 bản chính;

Ý kiến của các cơ quan có liên quan: 01 bản sao;

Hồ sơ quy định tại điểm a khoản này: 01 bản sao.

5. Nội dung chủ yếu của Quyết định phê duyệt Đề án khai thác tài sản gồm:

a) Tên cơ quan quản lý tài sản.

b) Danh mục tài sản khai thác (tên tài sản; địa chỉ; năm đưa vào sử dụng; thông số cơ bản (khối lượng/chiều dài/...); diện tích; nguyên giá, giá trị còn lại (nếu có); tình trạng sử dụng của tài sản).

c) Phương thức khai thác: Trực tiếp tổ chức khai thác tài sản.

d) Thời hạn khai thác tài sản (nếu có).

đ) Quản lý, sử dụng số tiền thu được từ khai thác tài sản.

e) Trách nhiệm tổ chức thực hiện.

6. Căn cứ Quyết định phê duyệt Đề án khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa của cơ quan, người có thẩm quyền, cơ quan quản lý tài sản thực hiện việc cung cấp dịch vụ liên quan đến tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa và các dịch vụ khác cho các tổ chức, cá nhân theo quy định của pháp luật



về giao thông đường thủy nội địa, pháp luật có liên quan và Đề án được duyệt.

7. Trong quá trình khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa, trường hợp phát sinh vật liệu, vật tư thu hồi thì việc xử lý vật liệu, vật tư thu hồi thực hiện theo quy định tại khoản 5 Điều 23 Nghị định này.

**Điều 14. Cho thuê quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa**

1. Cho thuê quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa là việc Nhà nước chuyển giao có thời hạn quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa cho tổ chức theo hợp đồng để nhận một khoản tiền tương ứng.

2. Phạm vi tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa được cho thuê quyền khai thác là tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa hoặc một phần tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa hiện có.

3. Việc cho thuê quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa không áp dụng đối với:

a) Tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa có liên quan đến quốc phòng, an ninh quốc gia.

b) Tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa thuộc trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 15 Nghị định này.

4. Thời hạn cho thuê quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa được xác định cụ thể trong Hợp đồng cho thuê nhưng tối đa là 10 năm. Thời hạn cho thuê cụ thể phù hợp với từng tài sản (một phần tài sản) kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa được cơ quan, người có thẩm quyền quy định tại khoản 5 Điều này phê duyệt.

5. Thẩm quyền phê duyệt Đề án cho thuê quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa:

a) Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải phê duyệt Đề án cho thuê quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa do cơ quan quản lý tài sản ở trung ương quản lý.

b) Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt Đề án cho thuê quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa do cơ quan quản lý tài sản ở địa phương quản lý.

6. Việc lập, phê duyệt Đề án cho thuê quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa thuộc thẩm quyền phê duyệt của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải/Ủy ban nhân dân cấp tỉnh được thực hiện tương tự quy định tại khoản 3 Điều 13 Nghị định này. Riêng Đề án cho thuê quyền khai thác tài sản được lập theo Mẫu số 02B tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này.

7. Nội dung chủ yếu của Quyết định phê duyệt Đề án cho thuê quyền khai thác tài sản gồm:

a) Tên cơ quan quản lý tài sản.

b) Danh mục tài sản cho thuê quyền khai thác (tên tài sản; địa chỉ; năm đưa vào sử dụng; thông số cơ bản (khối lượng/chiều dài/...); diện tích; nguyên giá, giá trị còn lại (nếu có); tình trạng sử dụng của tài sản).

c) Thời hạn cho thuê quyền khai thác tài sản.

d) Phương thức thực hiện cho thuê quyền khai thác tài sản: Đấu giá.

đ) Hình thức thanh toán tiền cho thuê quyền khai thác tài sản (trả tiền một lần cho cả thời gian thuê/ trả tiền hàng năm).

e) Phương thức, thời hạn thanh toán tiền cho thuê quyền khai thác tài sản.

g) Quản lý, sử dụng số tiền thu được từ cho thuê quyền khai thác tài sản.

h) Trách nhiệm tổ chức thực hiện.

8. Căn cứ Quyết định phê duyệt Đề án cho thuê quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa của cơ quan, người có thẩm quyền:

a) Cơ quan quản lý tài sản tổ chức thực hiện xác định giá khởi điểm cho thuê quyền khai thác tài sản theo quy định tại Điều 16 Nghị định này.

Trường hợp cho thuê quyền khai thác tài sản theo hình thức trả tiền thuê hàng năm, giá khởi điểm để đấu giá là tiền thuê quyền khai thác tài sản của một năm;

Trường hợp cho thuê quyền khai thác tài sản theo hình thức trả tiền thuê một lần cho cả thời gian thuê, giá khởi điểm để đấu giá là tiền thuê quyền khai thác tài sản của toàn bộ thời hạn cho thuê.

b) Cơ quan quản lý tài sản tổ chức thực hiện việc đấu giá cho thuê quyền khai thác tài sản theo quy định của pháp luật về đấu giá tài sản; thực hiện việc giám sát quá trình tổ chức thực hiện việc đấu giá và các quyền, nghĩa vụ khác của người có tài sản đấu giá theo quy định của Luật Đấu giá tài sản. Trong đó, mức tiền đặt trước quy định tại Điều 39 Luật Đấu giá tài sản được xác định như sau:

Trường hợp cho thuê quyền khai thác tài sản theo hình thức trả tiền thuê hàng năm, mức tiền đặt trước được xác định bằng (=) tỷ lệ đặt trước theo quy định tại Điều 39 Luật Đấu giá tài sản (x) tiền thuê một năm quy định tại điểm a khoản này (x) số năm cho thuê;

Trường hợp cho thuê quyền khai thác tài sản theo hình thức trả tiền thuê một lần cho cả thời hạn thuê, mức tiền đặt trước được xác định là tỷ lệ đặt trước theo quy định tại Điều 39 Luật Đấu giá tài sản (x) tiền thuê của toàn bộ thời hạn cho thuê quy định tại điểm a khoản này.

c) Ngoài các điều kiện theo quy định của pháp luật về đấu giá tài sản (trừ trường hợp việc cho thuê quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa là các công trình hạ tầng kỹ thuật (như đường dây, cáp, đường ống), biển quảng cáo và các công trình khác lắp đặt vào kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa, hành lang an toàn đường thủy nội địa phù hợp với quy định của pháp luật về giao thông đường thủy nội địa) tổ chức tham gia đấu giá thuê quyền khai thác tài

sản phải đáp ứng thêm các điều kiện sau:

Có Quyết định thành lập/Đăng ký kinh doanh theo quy định của pháp luật;

Có kinh nghiệm vận hành, kinh doanh công trình đường thủy nội địa tương tự tối thiểu 02 năm tính đến thời điểm nộp hồ sơ tham gia đấu giá;

Có năng lực tài chính được thể hiện thông qua chỉ tiêu doanh thu và lợi nhuận trước thuế tối thiểu 02 năm liền kề theo Báo cáo tài chính của tổ chức đã được kiểm toán theo quy định. Cơ quan quản lý tài sản có trách nhiệm xác định cụ thể chỉ tiêu về doanh thu và lợi nhuận trước thuế để đưa vào Đề án cho thuê quyền khai thác tài sản trình cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt.

9. Ký Hợp đồng cho thuê quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa và Phụ lục Hợp đồng (nếu có). Hợp đồng cho thuê quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa gồm các nội dung chủ yếu sau:

a) Thông tin của Bên cho thuê quyền khai thác tài sản (cơ quan quản lý tài sản).

b) Thông tin của Bên nhận thuê quyền khai thác tài sản (tổ chức trúng đấu giá).

c) Danh mục tài sản cho thuê quyền khai thác (tên tài sản; địa chỉ; năm đưa vào sử dụng; thông số cơ bản (khối lượng/chiều dài/...); diện tích; nguyên giá, giá trị còn lại (nếu có); tình trạng sử dụng của tài sản).

d) Thời hạn cho thuê quyền khai thác tài sản.

đ) Doanh thu khai thác tài sản từng năm của thời hạn cho thuê trong phương án giá khởi điểm để đấu giá (sau đây gọi là doanh thu trong phương án giá khởi điểm).

e) Tiền thuê phải trả (hàng năm, một lần).

g) Hình thức thanh toán tiền cho thuê quyền khai thác tài sản; thời hạn thanh toán tiền cho thuê quyền khai thác tài sản.

Trường hợp cho thuê quyền khai thác tài sản theo hình thức trả tiền thuê hàng năm thì thanh toán 02 lần trong năm: Lần 1 thanh toán tối thiểu 50% số tiền thuê của năm chậm nhất là ngày 31 tháng 5, lần 2 thanh toán số tiền thuê còn lại chậm nhất là ngày 31 tháng 10.

Trường hợp cho thuê quyền khai thác tài sản theo hình thức trả tiền thuê một lần cho cả thời gian thuê thì tiền thuê được thanh toán tối đa 02 lần trong vòng 90 ngày, kể từ ngày ký Hợp đồng, trong đó lần 1 thanh toán tối thiểu 50% số tiền thuê trong vòng 30 ngày, kể từ ngày ký Hợp đồng; trường hợp số tiền thuê trên 1.000 tỷ đồng thì được thanh toán tối đa 03 lần trong vòng 12 tháng, kể từ ngày ký Hợp đồng, trong đó lần 1 thanh toán tối thiểu 40% số tiền thuê trong vòng 60 ngày, kể từ ngày ký Hợp đồng, lần 2 thanh toán tối thiểu 30% số tiền thuê trong vòng 120 ngày, kể từ ngày ký Hợp đồng.

h) Tiền đặt cọc để đảm bảo thực hiện Hợp đồng ký kết (ngoài giá trị tiền thuê theo Hợp đồng). Tiền đặt cọc được nộp bằng tiền mặt hoặc bảo lãnh ngân hàng trong vòng 15 ngày, kể từ ngày ký Hợp đồng và được xác định như sau:

Trường hợp cho thuê quyền khai thác tài sản theo hình thức trả tiền thuê hàng năm, tiền đặt cọc để đảm bảo thực hiện Hợp đồng bằng (=) 5% nhân (x) tiền thuê một năm theo giá trúng đấu giá nhân (x) số năm cho thuê;

Trường hợp cho thuê quyền khai thác tài sản theo hình thức trả tiền thuê một lần cho cả thời gian thuê, tiền đặt cọc để đảm bảo thực hiện Hợp đồng bằng 5% tiền thuê của toàn bộ thời hạn cho thuê theo giá trúng đấu giá.

i) Trách nhiệm, yêu cầu kỹ thuật bảo trì công trình thuộc tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa và các nội dung cần thiết khác.

k) Thời hạn Bên cho thuê quyền khai thác tài sản bàn giao quyền khai thác tài sản cho Bên thuê; thời hạn Bên thuê bàn giao lại quyền khai thác tài sản cho Bên cho thuê.

l) Xử lý trường hợp doanh thu khai thác thực tế có biến động lớn so với doanh thu đối chiếu trong trường hợp cho thuê quyền khai thác tài sản theo hình thức trả tiền thuê một lần cho cả thời gian thuê:

Hàng năm, trường hợp doanh thu thực tế từ việc nhận thuê quyền khai thác tài sản (theo Báo cáo tài chính đã được kiểm toán theo quy định) lớn hơn so với mức doanh thu đối chiếu từ 125% trở lên thì Bên thuê quyền khai thác tài sản phải nộp bổ sung 50% phần doanh thu tăng thêm trên 125% vào tài khoản tạm giữ theo quy định tại khoản 2 Điều 18 Nghị định này; trong đó, doanh thu đối chiếu làm căn cứ điều chỉnh Hợp đồng là doanh thu của năm tương ứng trong phương án giá khởi điểm để đấu giá.

Bên cho thuê và Bên nhận thuê căn cứ Báo cáo tài chính đã được kiểm toán để xác định số tiền Bên nhận thuê phải nộp bổ sung (nếu có) vào tài khoản tạm giữ, trên cơ sở đó Bên cho thuê có văn bản thông báo cho Bộ Giao thông vận tải/Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, chủ tài khoản tạm giữ theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 18 Nghị định này và Bên nhận thuê để theo dõi, thực hiện thu nộp, quản lý số tiền. Thời hạn xác định, thông báo và nộp tiền vào tài khoản tạm giữ trong vòng 30 ngày, kể từ ngày nhận được thông báo của Bên cho thuê và chậm nhất là ngày 31 tháng 10 của năm sau liền kề với năm phát sinh doanh thu tăng thêm phải nộp bổ sung; riêng năm cuối cùng nộp tiền vào tài khoản tạm giữ trước khi thanh lý Hợp đồng.

m) Điều kiện chấm dứt Hợp đồng.

n) Quyền và nghĩa vụ của các bên.

o) Xử lý vi phạm Hợp đồng, xử lý tranh chấp Hợp đồng theo quy định của pháp luật về dân sự và pháp luật có liên quan.

Hợp đồng cho thuê quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa đã ký kết được gửi cho chủ tài khoản tạm giữ quy định tại điểm a khoản 2 Điều 18 Nghị định này để theo dõi, quản lý số tiền thu được từ khai thác tài sản.

10. Quyền của Bên nhận thuê quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa:

a) Tổ chức thực hiện khai thác tài sản theo đúng quy định của pháp luật và Hợp đồng đã ký kết.

b) Quyết định phương thức, biện pháp khai thác tài sản bảo đảm phù hợp với quy định về hoạt động giao thông đường thủy nội địa.

c) Được Nhà nước bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp; được khiếu nại, khởi kiện theo quy định của pháp luật nếu quyền và lợi ích hợp pháp bị xâm phạm.

d) Được thu tiền theo giá dịch vụ sử dụng kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa và các khoản thu khác liên quan đến việc cung cấp dịch vụ theo quy định của pháp luật và Hợp đồng ký kết.

đ) Được cải tạo, nâng cấp, bổ sung công năng cho tài sản nhận thuê quyền khai thác bằng nguồn kinh phí của Bên thuê để phục vụ mục đích quản lý, khai thác, nếu được Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải (đối với tài sản do cơ quan quản lý tài sản ở trung ương cho thuê), Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (đối với tài sản do cơ quan quản lý tài sản ở địa phương cho thuê) chấp thuận. Sau khi kết thúc hợp đồng, Bên thuê phải chuyển giao nguyên trạng tài sản bao gồm cả hạng mục công trình đã được cải tạo, nâng cấp, bổ sung công năng (nếu có) lại Bên cho thuê và không được bồi hoàn.

e) Các quyền khác theo Hợp đồng ký kết và quy định của pháp luật.

11. Nghĩa vụ của Bên nhận thuê quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa:

a) Bảo vệ tài sản nhận thuê quyền khai thác (bao gồm cả đất, mặt nước gắn công trình); không để bị lấn chiếm hoặc sử dụng trái phép công trình và các hành vi vi phạm khác theo quy định của pháp luật.

Trường hợp xảy ra sự cố công trình, Bên nhận thuê quyền khai thác tài sản có trách nhiệm thông báo kịp thời cho Bên cho thuê để thực hiện các biện pháp xử lý theo quy định của pháp luật về giao thông đường thủy nội địa và pháp luật có liên quan.

b) Sử dụng, khai thác tài sản đúng mục đích, nhiệm vụ của công trình; không được chuyển đổi công năng sử dụng, chuyển nhượng, bán, tặng cho, góp vốn, thế chấp hoặc thực hiện biện pháp đảm bảo thực hiện nghĩa vụ dân sự khác.

c) Thực hiện bảo trì công trình thuộc tài sản theo Hợp đồng đã ký kết và quy định của pháp luật.

d) Thanh toán tiền thuê quyền khai thác tài sản đầy đủ, đúng hạn theo quy định; trường hợp quá thời hạn thanh toán theo quy định mà Bên nhận thuê quyền khai thác tài sản chưa thanh toán hoặc chưa thanh toán đủ thì phải nộp phạt hợp đồng; mức phạt tương đương với mức tiền chậm nộp xác định theo quy định của pháp luật về quản lý thuế.

đ) Hằng năm, báo cáo doanh thu từ việc khai thác tài sản nhận thuê quyền khai thác kèm theo Báo cáo tài chính đã được kiểm toán theo quy định, gửi Bên cho thuê quyền khai thác tài sản.

e) Chịu sự kiểm tra, giám sát của Bên cho thuê quyền khai thác tài sản; cùng Bên cho thuê quyền khai thác tài sản giải quyết các vướng mắc phát sinh.

g) Giao lại tài sản khi kết thúc thời hạn thuê quyền khai thác tài sản và các trường hợp quy định tại khoản 16, khoản 17 Điều này.

h) Định kỳ hoặc đột xuất theo quy định của Hợp đồng ký kết phải thông báo cho Bên cho thuê quyền khai thác tài sản về tình trạng của tài sản, bảo đảm hoạt động giao thông đường thủy nội địa được an toàn, thông suốt.

i) Các nghĩa vụ khác theo Hợp đồng ký kết và quy định của pháp luật.

12. Cơ quan quản lý tài sản có trách nhiệm thực hiện quyền và nghĩa vụ theo Hợp đồng ký kết và quy định của pháp luật; thường xuyên kiểm tra, giám sát tình hình tổ chức thực hiện Đề án cho thuê quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa được cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt, kịp thời xử lý các vi phạm, vướng mắc phát sinh theo thẩm quyền hoặc báo cáo cơ quan, người có thẩm quyền xử lý theo quy định của pháp luật.

13. Số tiền thu được từ cho thuê quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa được quản lý, sử dụng theo quy định tại Điều 18 Nghị định này.

14. Khi kết thúc thời hạn cho thuê quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa theo Hợp đồng, Bên nhận thuê quyền khai thác tài sản có trách nhiệm:

a) Chuyển giao lại quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa cho Bên cho thuê quyền khai thác tài sản kể từ ngày kết thúc thời hạn theo Hợp đồng hoặc kết thúc thời hạn kéo dài của Hợp đồng quy định tại khoản 18 Điều này (nếu có), kể cả trường hợp chưa hoàn thành việc thanh lý Hợp đồng, chưa bàn giao lại tài sản cho Bên cho thuê quyền khai thác tài sản.

b) Phối hợp với Bên cho thuê quyền khai thác tài sản thực hiện kiểm kê, xác định tình trạng sử dụng của tài sản; việc kiểm kê, xác định tình trạng sử dụng của tài sản được lập thành biên bản.

c) Thực hiện việc sửa chữa, bảo trì công trình để khắc phục các hư hại của tài sản (nếu có).

d) Phối hợp với Bên cho thuê quyền khai thác tài sản thực hiện việc thanh lý Hợp đồng theo quy định của pháp luật sau khi hoàn thành khắc phục các hư hại của tài sản (nếu có), hoàn thành việc thanh toán tiền cho thuê quyền khai thác tài sản (bao gồm cả tiền nộp bổ sung (nếu có) quy định tại điểm 1 khoản 9 Điều này) và Bên nhận thuê quyền khai thác tài sản có văn bản cam kết tài sản không trong tình trạng cầm cố, thế chấp hoặc thực hiện các biện pháp đảm bảo nghĩa vụ nợ khác theo quy định của pháp luật về dân sự.

đ) Thực hiện bàn giao lại tài sản cho Bên cho thuê quyền khai thác tài sản.

e) Nhận lại số tiền đặt cọc quy định tại điểm h khoản 9 Điều này. Trường hợp tại thời điểm kết thúc thời hạn cho thuê quyền khai thác tài sản mà Bên nhận thuê quyền khai thác tài sản chưa hoàn thành việc thanh toán tiền thuê quyền

khai thác tài sản thì số tiền đặt cọc được sử dụng để trừ vào nghĩa vụ mà Bên nhận thuê quyền khai thác tài sản phải thanh toán, phần còn thừa (nếu có) được trả lại cho Bên nhận thuê quyền khai thác tài sản.

15. Khi kết thúc thời hạn cho thuê quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa theo Hợp đồng, Bên cho thuê quyền khai thác tài sản có trách nhiệm:

a) Tiếp nhận để quản lý, sử dụng và khai thác tài sản theo quy định tại Nghị định này kể từ thời điểm Bên nhận thuê quyền khai thác tài sản bàn giao lại tài sản theo quy định tại điểm đ khoản 14 Điều này.

b) Thực hiện việc bảo trì tài sản kể từ thời điểm Bên nhận thuê quyền khai thác tài sản bàn giao lại tài sản theo quy định tại điểm a khoản này (trừ thời gian Bên nhận thuê quyền khai thác tài sản phải sửa chữa, bảo trì công trình để khắc phục các hư hại của tài sản). Kinh phí bảo trì thực hiện theo quy định tại khoản 5 Điều 10 Nghị định này.

16. Trường hợp vì lý do bất khả kháng hoặc Nhà nước thu hồi đất, mặt nước gắn với tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa để sử dụng vào mục đích quốc phòng, an ninh, phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, lợi ích công cộng theo quy định của pháp luật đất đai mà chưa hết thời hạn cho thuê quyền khai thác theo Hợp đồng thì các bên thực hiện chấm dứt Hợp đồng trước hạn. Bên nhận thuê quyền khai thác tài sản được hoàn trả phần giá trị tương ứng với số tiền thuê quyền khai thác đã nộp cho thời gian còn lại theo Hợp đồng (nếu có) và số tiền đặt cọc quy định tại điểm h khoản 9 Điều này; việc xác định phần giá trị tương ứng hoàn trả cho Bên nhận thuê quyền khai thác tài sản (nếu có) do Bên cho thuê quyền khai thác tài sản có trách nhiệm xác định, trình cơ quan, người có thẩm quyền quy định tại khoản 5 Điều này quyết định hoàn trả; số tiền hoàn trả được bố trí vào dự toán chi thường xuyên ngân sách nhà nước của Bên cho thuê quyền khai thác tài sản để hoàn trả theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước. Các nội dung khác thực hiện theo quy định tại khoản 14, khoản 15 Điều này.

17. Việc xử lý vi phạm Hợp đồng, tranh chấp Hợp đồng thực hiện theo hợp đồng, pháp luật dân sự và pháp luật có liên quan. Trường hợp chấm dứt hợp đồng trước hạn do vi phạm, tranh chấp hợp đồng thì các nội dung xử lý khi chấm dứt hợp đồng thực hiện theo quy định tại khoản 14, khoản 15 Điều này.

18. Trường hợp trong thời hạn cho thuê quyền khai thác tài sản theo Hợp đồng mà phát sinh việc nâng cấp, cải tạo, mở rộng tài sản theo dự án được cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt thì cơ quan quản lý tài sản có trách nhiệm thực hiện theo quy định của pháp luật về đầu tư công, pháp luật về giao thông đường thủy nội địa, pháp luật có liên quan. Bên nhận thuê quyền khai thác tài sản được hoàn trả phần giá trị tương ứng với số tiền thuê quyền khai thác đã nộp theo Hợp đồng (hoặc không phải thanh toán tiền thuê quyền khai thác hàng năm) do không phát sinh nguồn thu trong thời gian nâng cấp, cải tạo, mở rộng tài sản theo dự án hoặc kéo dài thời gian của Hợp đồng tương ứng với thời gian phải bàn giao tài sản cho cơ quan quản lý tài sản để thực hiện việc nâng cấp, cải

tạo, mở rộng tài sản; việc xác định phần giá trị tương ứng hoàn trả cho Bên nhận thuê quyền khai thác tài sản (nếu có) hoặc kéo dài thời gian của Hợp đồng tương ứng do Bên cho thuê quyền khai thác tài sản có trách nhiệm xác định, trình cơ quan, người có thẩm quyền quy định tại khoản 5 Điều này quyết định hoàn trả; số tiền hoàn trả được bố trí vào dự toán chi thường xuyên ngân sách nhà nước của Bên cho thuê quyền khai thác tài sản để hoàn trả theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước. Các nội dung khác thực hiện theo quy định tại khoản 14, khoản 15 Điều này.

**Điều 15. Chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa**

1. Chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa là việc Nhà nước chuyển giao quyền khai thác trong một khoảng thời gian nhất định gắn với việc đầu tư nâng cấp, mở rộng tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa hiện có theo dự án đã được cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt để nhận một khoản tiền tương ứng theo Hợp đồng.

2. Phạm vi tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa được chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác là tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa hoặc một phần tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa hiện có đã được cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt dự án đầu tư nâng cấp, mở rộng tài sản.

3. Việc chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa không áp dụng đối với tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa có liên quan đến quốc phòng, an ninh quốc gia.

4. Thời hạn chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa được xác định cụ thể trong từng Hợp đồng chuyển nhượng nhưng tối đa là 30 năm. Thời hạn chuyển nhượng cụ thể phù hợp với từng tài sản (một phần tài sản) kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa được cơ quan, người có thẩm quyền quy định tại khoản 5 Điều này phê duyệt.

5. Thẩm quyền phê duyệt Đề án chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa:

a) Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải phê duyệt Đề án chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa do cơ quan quản lý tài sản ở trung ương quản lý.

b) Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt Đề án chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa do cơ quan quản lý tài sản ở địa phương quản lý.

6. Việc lập, phê duyệt Đề án chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa thuộc thẩm quyền phê duyệt của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải/Ủy ban nhân dân cấp tỉnh được thực hiện tương tự quy định tại khoản 3 Điều 13 Nghị định này. Riêng Đề án chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản được lập theo Mẫu số 02C tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này.



7. Nội dung chủ yếu của Quyết định phê duyệt Đề án chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản gồm:

- a) Tên cơ quan quản lý tài sản.
- b) Danh mục tài sản chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác (tên tài sản; địa chỉ; năm đưa vào sử dụng; thông số cơ bản (khối lượng/chiều dài/...); diện tích; nguyên giá, giá trị còn lại (nếu có); tình trạng sử dụng của tài sản).
- c) Nội dung cơ bản của Dự án đầu tư nâng cấp, mở rộng tài sản được cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt.
- d) Thời hạn chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản.
- đ) Phương thức thực hiện chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản: Đấu giá.
- e) Phương thức, thời hạn thanh toán tiền chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản.
- g) Quản lý, sử dụng số tiền thu được từ chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản.
- h) Trách nhiệm tổ chức thực hiện.

8. Căn cứ Quyết định phê duyệt Đề án chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa của cơ quan, người có thẩm quyền:

- a) Cơ quan quản lý tài sản tổ chức thực hiện xác định giá khởi điểm chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản theo quy định tại Điều 16 Nghị định này.
- b) Tổ chức đấu giá chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản theo quy định của pháp luật về đấu giá tài sản; thực hiện việc giám sát quá trình tổ chức thực hiện việc đấu giá và các quyền, nghĩa vụ khác của người có tài sản đấu giá theo quy định của Luật Đấu giá tài sản.
- c) Doanh nghiệp tham gia đấu giá chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản phải đáp ứng các điều kiện theo quy định của pháp luật về đấu giá tài sản và các điều kiện sau:

Có ngành nghề kinh doanh theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp phù hợp với việc quản lý, khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa thuộc danh mục chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản.

Có năng lực kinh nghiệm quản lý, khai thác công trình đường thủy nội địa tương tự tối thiểu 02 năm tính đến thời điểm nộp hồ sơ tham gia đấu giá.

Có năng lực tài chính được thể hiện thông qua chỉ tiêu doanh thu và lợi nhuận trước thuế tối thiểu 02 năm liền kề theo Báo cáo tài chính của doanh nghiệp đã được kiểm toán theo quy định. Cơ quan quản lý tài sản có trách nhiệm xác định cụ thể chỉ tiêu về doanh thu và lợi nhuận trước thuế để đưa vào Đề án chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản trình cơ quan, người có thẩm

quyền phê duyệt.

Tỷ lệ vốn chủ sở hữu của doanh nghiệp tối thiểu là 15% tổng mức đầu tư của Dự án nâng cấp, mở rộng tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa đã được cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt.

9. Ký Hợp đồng chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa và Phụ lục Hợp đồng (nếu có). Hợp đồng chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa gồm các nội dung chủ yếu sau:

a) Thông tin của Bên chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản (cơ quan quản lý tài sản);

b) Thông tin của Bên nhận chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản (doanh nghiệp trúng đấu giá);

c) Danh mục tài sản chuyển nhượng quyền khai thác (tên tài sản; địa chỉ; năm đưa vào sử dụng; thông số cơ bản (khối lượng/chiều dài/...); diện tích; nguyên giá, giá trị còn lại (nếu có); tình trạng sử dụng của tài sản).

d) Thời hạn chuyển nhượng quyền khai thác tài sản.

đ) Doanh thu khai thác tài sản trong phương án giá khởi điểm để đấu giá (sau đây gọi là doanh thu trong phương án giá khởi điểm).

e) Số tiền chuyển nhượng theo giá trúng đấu giá.

g) Thời hạn thanh toán tiền chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản:

Giá trị chuyển nhượng được thanh toán tối đa 02 lần trong vòng 90 ngày, kể từ ngày ký Hợp đồng, trong đó lần 1 thanh toán tối thiểu 50% giá trị chuyển nhượng trong vòng 30 ngày, kể từ ngày ký Hợp đồng; trường hợp giá trị chuyển nhượng trên 1.000 tỷ đồng thì được thanh toán tối đa 03 lần trong vòng 12 tháng, kể từ ngày ký Hợp đồng, trong đó lần 1 thanh toán tối thiểu 40% giá trị chuyển nhượng trong vòng 60 ngày, kể từ ngày ký Hợp đồng, lần 2 thanh toán tối thiểu 30% giá trị chuyển nhượng trong vòng 120 ngày, kể từ ngày ký Hợp đồng.

h) Tiền đặt cọc để đảm bảo thực hiện Hợp đồng (ngoài giá trị chuyển nhượng theo Hợp đồng):

Mức tiền đặt cọc bằng 5% tổng giá trị chuyển nhượng do Bên nhận chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản nộp cho Bên chuyển nhượng; khoản tiền đặt cọc được nộp bằng tiền mặt hoặc bảo lãnh ngân hàng trong vòng 15 ngày, kể từ ngày ký Hợp đồng.

i) Trách nhiệm đầu tư nâng cấp, mở rộng theo dự án được cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt; trách nhiệm, yêu cầu kỹ thuật bảo trì công trình thuộc tài sản và các nội dung cần thiết khác.

k) Thời hạn Bên chuyển nhượng bàn giao quyền khai thác cho Bên nhận chuyển nhượng; thời hạn Bên nhận chuyển nhượng bàn giao lại quyền khai thác tài sản cho Bên chuyển nhượng.

l) Xử lý trường hợp doanh thu khai thác thực tế có biến động lớn so với doanh thu đối chiếu:

Hàng năm, trường hợp doanh thu thực tế từ việc khai thác tài sản nhận chuyển nhượng (theo Báo cáo tài chính đã được kiểm toán theo quy định) lớn hơn so với mức doanh thu đối chiếu từ 125% trở lên thì Bên nhận chuyển nhượng phải nộp bổ sung 50% phần doanh thu tăng thêm trên 125% vào tài khoản tạm giữ theo quy định tại khoản 2 Điều 18 Nghị định này; trong đó, doanh thu đối chiếu làm căn cứ điều chỉnh Hợp đồng là doanh thu của năm tương ứng trong phương án giá khởi điểm để đấu giá.

Bên chuyển nhượng và Bên nhận chuyển nhượng căn cứ Báo cáo tài chính đã được kiểm toán để xác định số tiền Bên nhận chuyển nhượng phải nộp bổ sung (nếu có) vào tài khoản tạm giữ, trên cơ sở đó Bên chuyển nhượng có văn bản thông báo cho Bộ Giao thông vận tải/Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và chủ tài khoản tạm giữ theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 18 Nghị định này và Bên nhận chuyển nhượng để theo dõi, thực hiện thu nộp, quản lý số tiền. Thời hạn xác định, thông báo và nộp tiền vào tài khoản tạm giữ trong vòng 30 ngày, kể từ ngày nhận được thông báo của Bên chuyển nhượng và chậm nhất là ngày 31 tháng 10 của năm sau liền kề với năm phát sinh doanh thu tăng thêm phải nộp bổ sung; riêng năm cuối cùng nộp tiền vào tài khoản tạm giữ trước khi thanh lý Hợp đồng.

m) Điều kiện chấm dứt Hợp đồng.

n) Quyền và nghĩa vụ của các bên.

o) Xử lý vi phạm Hợp đồng, xử lý tranh chấp Hợp đồng theo quy định của pháp luật về dân sự và pháp luật khác có liên quan.

Hợp đồng chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa đã ký kết được gửi cho chủ tài khoản tạm giữ quy định tại điểm a khoản 2 Điều 18 Nghị định này để theo dõi, quản lý số tiền thu được từ khai thác tài sản.

10. Quyền của Bên nhận chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa:

a) Tổ chức thực hiện khai thác tài sản theo đúng quy định của pháp luật và Hợp đồng đã ký kết.

b) Được hưởng các chính sách khuyến khích, ưu đãi đầu tư theo quy định của pháp luật về đầu tư và pháp luật có liên quan.

c) Được thế chấp tài sản do Bên nhận chuyển nhượng đầu tư và quyền khai thác tài sản cho bên cho vay theo quy định của pháp luật về dân sự.

d) Được thu tiền theo giá dịch vụ sử dụng kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa và các khoản thu khác liên quan đến việc cung cấp dịch vụ theo quy định của pháp luật và Hợp đồng ký kết.

đ) Các quyền khác theo Hợp đồng ký kết và quy định của pháp luật.

11. Nghĩa vụ của Bên nhận chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa:

a) Bảo vệ tài sản nhận chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản (bao gồm cả đất, mặt nước gắn công trình); không để bị lấn chiếm hoặc sử dụng trái phép công trình và các hành vi vi phạm khác theo quy định của pháp luật.

Trường hợp xảy ra sự cố công trình, Bên nhận chuyển nhượng có trách nhiệm thông báo kịp thời cho Bên chuyển nhượng để thực hiện các biện pháp xử lý theo quy định của pháp luật về giao thông đường thủy nội địa và pháp luật có liên quan.

b) Sử dụng, khai thác tài sản đúng mục đích, nhiệm vụ của công trình; không được chuyển đổi công năng sử dụng, chuyển nhượng, bán, tặng cho, góp vốn bằng tài sản nhận chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác.

c) Hàng năm, gửi báo cáo tài chính được kiểm toán theo quy định cho Bên chuyển nhượng để xác định số tiền phải nộp bổ sung (nếu có).

d) Thực hiện đầu tư nâng cấp, mở rộng tài sản theo dự án được cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt.

đ) Thực hiện các nghĩa vụ theo quy định tại các điểm c, d, đ, e, g, h và i khoản 11 Điều 14 Nghị định này.

12. Bên chuyển nhượng có trách nhiệm thực hiện quyền và nghĩa vụ theo Hợp đồng ký kết và quy định của pháp luật; thường xuyên kiểm tra, giám sát tình hình tổ chức thực hiện Đề án chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa được cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt, kịp thời xử lý các vi phạm, vướng mắc phát sinh theo thẩm quyền hoặc báo cáo cơ quan, người có thẩm quyền xử lý theo quy định của pháp luật.

13. Số tiền thu được từ chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa được quản lý, sử dụng theo quy định tại Điều 18 Nghị định này.

14. Khi kết thúc thời hạn chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa theo Hợp đồng:

a) Bên nhận chuyển nhượng có trách nhiệm thực hiện theo quy định tại khoản 14 Điều 14 Nghị định này.

b) Bên chuyển nhượng có trách nhiệm thực hiện theo quy định tại khoản 15 Điều 14 Nghị định này.

15. Trường hợp vì lý do bất khả kháng hoặc Nhà nước thu hồi đất, mặt nước gắn với tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa để sử dụng vào mục đích quốc phòng, an ninh, phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, lợi ích công cộng theo quy định của pháp luật về đất đai mà chưa hết thời hạn chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản theo Hợp đồng thì các bên thực hiện chấm dứt Hợp đồng trước hạn. Căn cứ tiến độ đầu tư dự án được cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt, thực tế công trình hoàn thành, thời hạn chuyển nhượng quyền

khai thác đã nộp cho thời gian còn lại theo Hợp đồng, Bên chuyển nhượng và Bên nhận chuyển nhượng xác định giá trị được hoàn trả cho Bên nhận chuyển nhượng cho phù hợp và số tiền đặt cọc quy định tại điểm h khoản 9 Điều này; khoản tiền hoàn trả cho bên nhận chuyển nhượng do cơ quan, người có thẩm quyền quy định tại khoản 5 Điều này quyết định và được bố trí vào dự toán chi thường xuyên ngân sách nhà nước của Bên chuyển nhượng để hoàn trả theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước. Các nội dung khác thực hiện theo quy định tại khoản 14 Điều này.

16. Việc xử lý vi phạm hợp đồng, xử lý tranh chấp hợp đồng thực hiện theo hợp đồng, pháp luật dân sự và pháp luật có liên quan. Trường hợp chấm dứt hợp đồng trước hạn do vi phạm, tranh chấp hợp đồng thì các nội dung xử lý khi chấm dứt hợp đồng thực hiện theo quy định tại khoản 14 Điều này.

**Điều 16. Giá cho thuê quyền khai thác tài sản, chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa**

1. Giá cho thuê quyền khai thác tài sản, chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa là khoản tiền tổ chức thuê quyền khai thác, doanh nghiệp nhận chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản phải trả cho Nhà nước theo giá trúng đấu giá để được quyền khai thác tài sản theo Hợp đồng ký kết.

2. Cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt Đề án cho thuê quyền khai thác, chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa quy định tại khoản 5 Điều 14, khoản 5 Điều 15 Nghị định này là cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt giá khởi điểm để đấu giá. Giá khởi điểm để đấu giá cho thuê quyền khai thác, chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa là giá ban đầu thấp nhất khi đấu giá cho thuê quyền khai thác, chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa.

3. Căn cứ xác định giá khởi điểm để đấu giá cho thuê quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa gồm:

a) Giá cho thuê quyền khai thác tài sản trên thị trường của tài sản cùng loại hoặc có cùng tiêu chuẩn kỹ thuật, chất lượng, công năng sử dụng tại thời điểm xác định (nếu có).

b) Doanh thu ước tính, chi phí ước tính từ việc khai thác tài sản trong thời gian cho thuê quyền khai thác tài sản.

c) Chứng thư thẩm định giá và Báo cáo thẩm định giá của doanh nghiệp thẩm định giá theo quy định của pháp luật về giá hoặc kết quả xác định giá của Hội đồng xác định giá quy định tại khoản 5 Điều này. Việc sử dụng Chứng thư thẩm định giá và Báo cáo thẩm định giá của doanh nghiệp thẩm định giá thực hiện theo quy định của pháp luật về giá.

4. Căn cứ xác định giá khởi điểm để đấu giá chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa gồm:

a) Giá trị đầu tư bổ sung theo dự án nâng cấp, mở rộng tài sản được cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt.

Trong đó, giá trị đầu tư bổ sung là phần giá trị do doanh nghiệp nhận chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản có trách nhiệm thực hiện theo dự án được cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt.

b) Doanh thu ước tính, chi phí ước tính từ việc khai thác tài sản trong thời gian chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản.

c) Chứng thư thẩm định giá và Báo cáo thẩm định giá của doanh nghiệp thẩm định giá theo quy định của pháp luật về giá hoặc kết quả xác định giá của Hội đồng xác định giá quy định tại khoản 5 Điều này. Việc sử dụng Chứng thư thẩm định giá và Báo cáo thẩm định giá của doanh nghiệp thẩm định giá thực hiện theo quy định của pháp luật về giá.

5. Xác định giá khởi điểm để đấu giá cho thuê quyền khai thác, chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa

a) Cơ quan quản lý tài sản lựa chọn thuê doanh nghiệp thẩm định giá để xác định giá trị tài sản theo Chuẩn mực thẩm định giá Việt Nam hoặc thành lập Hội đồng xác định giá làm cơ sở để xác định giá khởi điểm để đấu giá cho thuê quyền khai thác tài sản, chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa. Thành phần Hội đồng xác định giá gồm: Thủ trưởng cơ quan quản lý tài sản hoặc người được ủy quyền làm Chủ tịch; các thành viên khác gồm: Đại diện các bộ phận chuyên môn liên quan của cơ quan quản lý tài sản; đại diện Sở Tài chính nơi có tài sản; đại diện các cơ quan khác (nếu có).

b) Cơ quan quản lý tài sản có trách nhiệm xác định giá khởi điểm cho thuê quyền khai thác/chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa theo quy định tại khoản 3, khoản 4 Điều này trình cơ quan, người có thẩm quyền quy định tại khoản 2 Điều này phê duyệt giá khởi điểm để đấu giá.

c) Trong Quyết định phê duyệt giá khởi điểm để đấu giá cho thuê quyền khai thác tài sản/chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản phải xác định doanh thu ước tính hàng năm, doanh thu bình quân một năm trong phương án giá khởi điểm để làm căn cứ xác định số tiền phải nộp hàng năm (đối với trường hợp cho thuê quyền khai thác tài sản theo hình thức trả tiền thuê hàng năm), doanh thu đối chiếu trong các trường hợp quy định tại điểm 1 khoản 9 Điều 14 và điểm 1 khoản 9 Điều 15 Nghị định này.

6. Trường hợp việc xác định giá khởi điểm có đặc thù cần có hướng dẫn riêng thì Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải có hướng dẫn về việc xác định giá khởi điểm để đấu giá cho thuê quyền khai thác tài sản/chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa.

**Điều 17. Khai thác quỹ đất, mặt nước để tạo vốn phát triển tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa**

1. Việc khai thác quỹ đất, mặt nước để tạo vốn phát triển tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa được thực hiện theo quy định tại Điều 118 của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công và pháp luật về đất đai.

2. Khai thác quỹ đất, mặt nước để tạo vốn phát triển tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa là việc Nhà nước áp dụng cơ chế thu hồi đất, mặt nước vùng phụ cận ngoài diện tích đất, mặt nước phục vụ dự án đầu tư xây dựng công trình kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa nhằm tạo quỹ đất để tạo vốn phát triển tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa.

a) Việc khai thác quỹ đất, mặt nước để tạo vốn phát triển tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa được khuyến khích áp dụng đối với dự án đầu tư xây dựng mới, nâng cấp, mở rộng đường thủy nội địa theo quy hoạch phát triển đô thị hoặc quy hoạch khu dân cư nông thôn.

b) Đối với dự án đầu tư xây dựng mới, nâng cấp, mở rộng đường thủy nội địa không thuộc phạm vi quy định tại điểm a khoản này thì căn cứ tình hình thực tế, cơ quan, người có thẩm quyền quy định tại khoản 4 Điều này quyết định việc khai thác quỹ đất, mặt nước để tạo vốn phát triển tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa.

3. Việc khai thác quỹ đất, mặt nước vùng phụ cận ngoài diện tích đất, mặt nước phục vụ dự án để tạo vốn phát triển tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa thực hiện theo quy định của pháp luật đất đai, pháp luật về tài nguyên nước, pháp luật về giao thông đường thủy nội địa, pháp luật về đấu giá tài sản, pháp luật về đấu thầu và pháp luật có liên quan.

4. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm chỉ đạo cơ quan chức năng của địa phương lập Đề án Khai thác quỹ đất, mặt nước để tạo vốn phát triển tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa, trên cơ sở đó:

a) Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chủ trì, phối hợp với Bộ Giao thông vận tải báo cáo Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định (đối với tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa thuộc trung ương quản lý).

b) Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định theo thẩm quyền quy định tại khoản 2 Điều 118 Luật Quản lý, sử dụng tài sản công (đối với tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa thuộc địa phương quản lý).

5. Nội dung chủ yếu của Đề án khai thác quỹ đất, mặt nước gồm:

a) Căn cứ pháp lý, căn cứ thực tiễn, sự cần thiết của Đề án.

b) Diện tích đất, mặt nước dự kiến khai thác.

c) Hình thức sử dụng đất, mặt nước.

d) Tổng mức đầu tư dự án xây dựng kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa.

đ) Dự kiến chi phí bồi thường, giải phóng mặt bằng để khai thác quỹ đất, mặt nước theo quy định của pháp luật về đất đai.

e) Dự kiến số tiền thu được từ việc khai thác quỹ đất, mặt nước theo quy định của pháp luật về đất đai.

g) Phương án quản lý, sử dụng số tiền thu được từ khai thác quỹ đất, mặt nước.

h) Các thông tin khác liên quan đến việc khai thác quỹ đất, mặt nước.

i) Trách nhiệm tổ chức thực hiện.

6. Căn cứ Quyết định phê duyệt Đề án khai thác quỹ đất, mặt nước để tạo vốn phát triển tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa, cơ quan quản lý tài sản phối hợp với cơ quan chức năng của địa phương tổ chức thực hiện việc khai thác quỹ đất, mặt nước để tạo vốn phát triển tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa.

7. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (nơi có quỹ đất, mặt nước được sử dụng để tạo vốn) có trách nhiệm:

a) Thu hồi diện tích đất, mặt nước phục vụ dự án đầu tư xây dựng công trình kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa theo Đề án được cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt phù hợp với quy định của pháp luật về đất đai.

b) Phê duyệt hoặc phân cấp thẩm quyền phê duyệt Phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư đối với phần diện tích đất, mặt nước thu hồi tại điểm a khoản này theo quy định của pháp luật về đất đai.

c) Chỉ đạo tổ chức thực hiện việc bồi thường, hỗ trợ, tái định cư đối với diện tích đất, mặt nước thu hồi.

d) Phê duyệt và công bố công khai quy hoạch chi tiết đối với quỹ đất, mặt nước để tạo vốn.

đ) Chỉ đạo tổ chức đấu giá quyền sử dụng đất để giao đất, cho thuê đất, mặt nước theo quy định của pháp luật về đất đai, pháp luật về đấu giá tài sản và pháp luật có liên quan.

e) Quyết định giao đất, cho thuê đất, mặt nước theo đúng quy định của pháp luật về đất đai và pháp luật có liên quan.

g) Các công việc khác có liên quan.

**Điều 18. Quản lý, sử dụng số tiền thu được từ khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa và khai thác quỹ đất, mặt nước để tạo vốn phát triển tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa**

1. Trường hợp cơ quan quản lý tài sản trực tiếp tổ chức khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 12, Điều 13 Nghị định này:

a) Số tiền thu được từ khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa là phí, lệ phí được quản lý, sử dụng theo quy định của pháp luật về phí, lệ phí, pháp luật về ngân sách nhà nước và pháp luật có liên quan.

b) Số tiền thu được từ khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa là tiền thu từ giá sử dụng dịch vụ và các khoản thu khác quy định tại điểm b khoản 3 Điều 12 Nghị định này được quản lý, sử dụng theo cơ chế tài chính áp dụng đối với cơ quan quản lý tài sản theo quy định tại khoản 2 Điều 85 Luật



Quản lý, sử dụng tài sản công.

2. Trường hợp khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa theo quy định tại các điểm b, điểm c khoản 1 Điều 12, Điều 14, Điều 15 Nghị định này và khai thác quỹ đất, mặt nước để tạo vốn phát triển tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa theo quy định tại Điều 17 Nghị định này:

a) Số tiền thu được từ cho thuê quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa, chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa và khai thác quỹ đất, mặt nước để tạo vốn phát triển tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa (bao gồm cả số tiền chậm nộp – nếu có) được nộp vào tài khoản tạm giữ tại Kho bạc Nhà nước do cơ quan sau đây làm chủ tài khoản:

Cơ quan quản lý tài sản công thuộc Bộ Giao thông vận tải quy định tại khoản 2 Điều 19 Luật Quản lý, sử dụng tài sản công đối với tài sản do cơ quan quản lý tài sản ở trung ương quản lý;

Sở Tài chính đối với tài sản do cơ quan quản lý tài sản ở địa phương quản lý.

b) Tài khoản tạm giữ được theo dõi chi tiết đối với từng cơ quan có tài sản được khai thác.

c) Nội dung chi:

Chi phí kiểm kê, xác định giá khởi điểm, bảo quản, bảo vệ tài sản trong thời gian tổ chức lựa chọn đơn vị khai thác, chi phí phục vụ quản lý của bên cho thuê, tổ chức đấu giá và chi phí khác có liên quan trong trường hợp cho thuê quyền khai thác, chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản quy định tại Điều 14, Điều 15 Nghị định này;

Chi phí có liên quan đến việc khai thác quỹ đất, mặt nước quy định tại Điều 17 Nghị định này.

d) Chi phí có liên quan đến việc quản lý, khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa và khai thác quỹ đất, mặt nước gắn với kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa phải được lập dự toán và do Thủ trưởng cơ quan quản lý tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa phê duyệt, sau khi có ý kiến thẩm định của chủ tài khoản tạm giữ quy định tại điểm a khoản này.

đ) Mức chi làm căn cứ lập dự toán chi phí; việc lập dự toán chi phí; trình tự, thủ tục thanh toán chi phí có liên quan đến việc khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa và khai thác quỹ đất, mặt nước gắn với kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa được thực hiện theo quy định tại Điều 27 Nghị định này.

e) Định kỳ hằng quý, chủ tài khoản tạm giữ thực hiện nộp số tiền còn lại đối với các khoản thu từ khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa (sau khi đã hoàn thành việc thanh toán chi phí tại điểm c, điểm d khoản này được trích từ tài khoản tạm giữ) vào ngân sách nhà nước (ngân sách trung ương đối với các khoản thu từ khai thác tài sản thuộc trung ương quản lý, ngân sách địa phương đối với các khoản thu từ khai thác tài sản thuộc địa phương quản lý) theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước.

g) Số tiền đã nộp ngân sách nhà nước được ưu tiên bố trí vốn trong kế hoạch đầu tư công, dự toán chi ngân sách nhà nước để đầu tư xây dựng mới, nâng cấp, cải tạo, mở rộng và phát triển tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước, pháp luật về đầu tư công và pháp luật có liên quan.

#### **Mục 4. XỬ LÝ TÀI SẢN KẾT CẤU HẠ TẦNG ĐƯỜNG THỦY NỘI ĐỊA**

##### **Điều 19. Hình thức xử lý tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa**

1. Thu hồi tài sản.
2. Điều chuyển tài sản.
3. Chuyển giao tài sản về địa phương quản lý, xử lý.
4. Thanh lý tài sản.
5. Xử lý tài sản trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại.
6. Hình thức xử lý khác theo quy định của pháp luật.

##### **Điều 20. Thu hồi tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa**

1. Tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa bị thu hồi trong các trường hợp sau đây:

- a) Khi có sự thay đổi về quy hoạch, phân cấp quản lý.
- b) Tài sản đã được giao nhưng không còn nhu cầu sử dụng hoặc việc khai thác không hiệu quả.
- c) Tài sản được giao không đúng đối tượng, sử dụng sai mục đích; cho mượn tài sản;
- d) Trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

2. Thẩm quyền quyết định thu hồi tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa:

- a) Thủ tướng Chính phủ quyết định thu hồi tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa có liên quan đến quốc phòng, an ninh quốc gia.
- b) Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quyết định thu hồi tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa thuộc trung ương quản lý, trừ tài sản quy định tại điểm a khoản này.

c) Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định thu hồi tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa thuộc địa phương quản lý, trừ tài sản quy định tại điểm a khoản này.

3. Tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa thu hồi được xử lý theo các hình thức sau:

- a) Điều chuyển theo quy định tại Điều 21 Nghị định này.

b) Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý theo quy định tại Điều 22 Nghị định này.

4. Trình tự, thủ tục thu hồi tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa (trừ trường hợp quy định tại các khoản 5, khoản 6 Điều này):

a) Cơ quan quản lý tài sản lập hồ sơ đề nghị thu hồi tài sản trình cơ quan, người có thẩm quyền quy định tại điểm b, điểm c khoản 2 Điều này. Hồ sơ đề nghị gồm:

Văn bản đề nghị thu hồi tài sản của cơ quan quản lý tài sản (trong đó nêu rõ lý do đề nghị thu hồi): 01 bản chính;

Danh mục tài sản đề nghị thu hồi (tên tài sản; địa chỉ; năm đưa vào sử dụng; thông số cơ bản (khối lượng/chiều dài/...); diện tích; nguyên giá, giá trị còn lại (nếu có); tình trạng sử dụng của tài sản); lý do thu hồi: 01 bản chính;

Các hồ sơ có liên quan khác (nếu có): 01 bản sao.

b) Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ quy định tại điểm a khoản này, cơ quan, người có thẩm quyền quy định tại điểm b, điểm c khoản 2 Điều này xem xét, quyết định thu hồi tài sản theo thẩm quyền hoặc có văn bản hồi đáp trong trường hợp đề nghị thu hồi chưa phù hợp.

Trường hợp việc thu hồi tài sản thuộc thẩm quyền quyết định của Thủ tướng Chính phủ thì Bộ Giao thông vận tải (đối với tài sản do cơ quan quản lý tài sản ở trung ương quản lý), Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (đối với tài sản do cơ quan quản lý tài sản ở địa phương quản lý) lập hồ sơ trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định thu hồi tài sản hoặc có văn bản chỉ đạo trong trường hợp đề nghị thu hồi chưa phù hợp. Hồ sơ đề nghị gồm:

Văn bản của Bộ Giao thông vận tải/Ủy ban nhân dân cấp tỉnh về việc thu hồi tài sản: 01 bản chính;

Ý kiến của các cơ quan có liên quan: 01 bản sao;

Hồ sơ quy định tại điểm a khoản này: 01 bản sao.

c) Nội dung chủ yếu của Quyết định thu hồi tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa gồm: Tên cơ quan có tài sản thu hồi; tên cơ quan được giao thực hiện quyết định thu hồi; danh mục tài sản thu hồi (tên tài sản; địa chỉ; năm đưa vào sử dụng; thông số cơ bản (khối lượng/chiều dài/...); diện tích; nguyên giá, giá trị còn lại (nếu có); tình trạng sử dụng của tài sản); lý do thu hồi; trách nhiệm tổ chức thực hiện.

d) Căn cứ Quyết định thu hồi tài sản của cơ quan, người có thẩm quyền, cơ quan được giao tổ chức thực hiện quyết định thu hồi tài sản thực hiện việc lập phương án xử lý tài sản thu hồi theo quy định tại khoản 3 Điều này để trình cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt, trên cơ sở đó tổ chức thực hiện xử lý tài sản theo phương án được cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt theo quy định tại Điều 21, Điều 22 Nghị định này.

Trong thời gian chờ xử lý tài sản thu hồi, cơ quan có tài sản bị thu hồi có